TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 173/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29-5-2020
V/v " Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - TP. HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Mỹ Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Huỳnh Hậu.
2. Bà Phạm Thị Huế.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Anh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa:*** Không tham gia.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, địa chỉ số 27 đường Thành Thái, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 106/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vi Thị H, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số 187/10/18 Đường số NA, Phường BHH A, Quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Vũ Xuân N, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Trại giam CH, 324 Đường HH, Phường MB, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24/02/2020 gửi đến Tòa và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Vi Thị H trình bày:

Bà và ông N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường Thổ Quan, Quận Đống Đa, Tp.Hà Nội theo Giấy chứng nhận kết hôn số 141, quyển số 01/2011 ngày 13/12/2011. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cách sống không phù hợp, và đến ngày 29/10/2014, ông N bị bắt về tội buôn bán ma túy và Tòa án nhân dân Tp.Hồ Chí Minh xử phạt tử hình. Bà có vào thăm ông N vài lần trong Trại giam CH, bà và ông N thỏa

thuận thuận tình ly hôn nhưng do điều kiện không cho phép nên bà đơn phương nộp đơn yêu cầu Tòa án cho bà ly hôn với ông N.

Về con chung: Bà và ông N có 01 con chung, trẻ Vũ Hải A, sinh ngày 27/12/2011. Bà H là người trực tiếp nuôi trẻ Hải A.

Về cấp dưỡng: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà khai không có.

Bị đơn – ông Vũ Xuân N trình bày: Về quan hệ hôn nhân, ông đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà H. Về con chung, ông đồng ý bà H trực tiếp nuôi trẻ Hải A. Về tài sản chung, nợ chung: Ông khai không có. Ông đề nghị Tòa án cho ông vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn, bà H yêu cầu ly hôn với ông N, đây là tranh chấp quan hệ về hôn nhân và gia đình theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn – ông N hiện thi hành án tại Trại giam CH, Quận M nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà H và ông N.

[2] Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 141, quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân Phường Thổ Quan, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội cấp ngày 13/12/2011, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân bà H và ông N là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Qua phần trình bày của bà H và ông N, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng bà H và ông N trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Cả hai đều khai thống nhất ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận bà H và ông N được ly hôn.

[3] Về con chung: Bà H và ông N có 01 con chung, trẻ Vũ Hải A, sinh ngày 27/12/2011, hiện ở cùng với bà H và ông N đồng ý cho bà H trực tiếp nuôi trẻ Hải A nên Hội đồng xét xử chấp nhận bà H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

[4] Về cấp dưỡng: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông N khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Bà H phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Vi Thị H được ly hôn với ông Vũ Xuân N.

- Về con chung: Bà H và ông N có 01 con chung, trẻ Vũ Hải A sinh ngày 27/12/2011. Giao trẻ Hải A cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của bà H.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về cấp dưỡng: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà H chịu. Bà H đã nộp theo theo biên lai thu tiền số 0014423 ngày 04/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 10;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10;
- UBND Phường Thổ Quan, Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Mỹ Phương